

## Vương quốc Anh dự kiến thiết lập MRL đối với fludioxonil, isotianil, flonicamid trên một số sản phẩm thực phẩm

Vương quốc Anh là một trong những thị trường xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm lớn của Việt Nam. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam sang Anh tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2023. Theo đó, cà phê là mặt hàng có xuất khẩu lớn nhất, đạt 22,8 nghìn tấn trong 9 tháng đầu năm 2024 với kim ngạch 100,9 triệu USD, giảm 24,2% về lượng nhưng tăng 29,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; xuất khẩu hạt điều đạt 15,4 nghìn tấn, trị giá 78,6 triệu USD, tăng 11,7% về lượng và tăng 10,8% về trị giá; xuất khẩu hàng rau quả đạt 27,4 triệu USD, tăng 49,2% và hạt tiêu đạt 4,4 nghìn tấn, trị giá 22,2 triệu USD, tăng 15,7% về lượng và tăng 34,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

### Chủng loại hàng nông sản, thực phẩm xuất khẩu sang thị trường Anh trong 9 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)		
	Lượng (tấn)	Giá trung bình (USD/tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng	Giá trung bình	Kim ngạch
Cà phê	22.816	4.422,7	100.907	-24,2	70,4	29,1
Hạt điều	15.416	5.099,0	78.606	11,7	-0,8	10,8
Hàng rau quả			27.456			49,2
Hạt tiêu	4.450	4.995,0	22.228	15,7	16,3	34,6

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang Anh tăng trưởng khả quan, bất chấp không ít thách thức như: xung đột Biển Đỏ gây trở ngại lớn đối với xuất khẩu hàng hóa sang Anh bằng đường biển khi hành trình tàu kéo dài thêm từ 10 -15 ngày và cước tàu tăng. Thêm vào đó, nhu cầu thị trường Anh giảm do kinh tế suy thoái, lạm phát cao và người dân thắt chặt chi tiêu khi chi phí sinh hoạt tăng và lo ngại tình hình kinh tế bấp bênh.

Trong bối cảnh thị trường Anh vẫn đối mặt với không ít khó khăn, tỷ trọng nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh vẫn tăng cho thấy nhóm hàng này của nước ta đã chiếm vị thế khá tốt tại thị trường này. Trong đó, nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam đã chiếm tỷ trọng cao trong tổng nhập khẩu của Anh như: hạt điều, cà phê, hạt tiêu, nhóm quả mã HS 08119085...

**Thị phần các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh 8 tháng đầu năm 2024**

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Anh		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
		8 tháng năm 2024	So với cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024	So với cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
08013200	Hạt điều tươi hoặc khô, đã bóc vỏ	79.318	-0,8	89.267	-1,6	88,9	88,1
09011100	Cà phê (trừ rang và không chứa caffein)	64.734	-5,8	437.158	6,0	14,8	16,7
09011200	Cà phê không chứa caffein (trừ rang)	16.795	52,6	40.626	39,5	41,3	37,8
09041200	Hạt tiêu thuộc chi Piper, đã nghiền hoặc xay	15.564	20,5	27.065	9,3	57,5	52,2
09041100	Hạt tiêu thuộc chi Piper, không nghiền hoặc xay	7.504	13,0	17.144	21,1	43,8	46,9
08021290	Hạnh nhân tươi hoặc khô, đã bóc vỏ (trừ đắng)	5.246	318,0	82.445	36,5	6,4	2,1
08119085	Ôi, xoài, măng cụt, đu đủ "papayas", me, táo điều, vải thiều, mít, mận sapodillo, chanh dây, khế, thanh long, dứa... chưa nấu chín hoặc đã nấu chín bằng cách hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh, không chứa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác	4.809	80,1	10.101	29,5	47,6	34,2
08134065	Me khô, táo điều, vải, mít, mận sapodillo, chanh dây, khế và thanh long	3.053	201,1	6.367	80,8	48,0	28,8
08109020	Me tươi, táo điều, vải	2.693	195,9	26.854	6,9	10,0	3,6

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Anh		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
		8 tháng năm 2024	So với cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024	So với cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
	thiều, mít, mận sapodillo, chanh dây, khế và thanh long						
08055090	Chanh tươi hoặc khô "Citrus aurantifolia, Citrus latifolia"	2.156	139,6	29.809	5,2	7,2	3,2
09062000	Quế nghiền hoặc xay và hoa cây quế	1.596	25,6	6.564	6,0	24,3	20,5
08119095	Trái cây và hạt đông lạnh, có thể ăn được, chưa nấu chín hoặc nấu chín khác	996	26,1	53.084	-10,7	1,9	1,3
09109110	Hỗn hợp các loại gia vị khác nhau (trừ nghiền hoặc xay)	989	2.808,8	1.908	35,9	51,8	2,4
09096100	Quả bách xù và hạt hồi, hạt hồi badian, hạt caraway hoặc hạt thì là, không nghiền hoặc xay	936	-20,3	9.859	5,4	9,5	12,6
09082200	Mace, nghiền hoặc xay	725	229,5	1.454	-15,2	49,9	12,8
09101200	Gừng, nghiền hoặc xay	466	-39,9	7.495	14,8	6,2	11,9
08013100	Hạt điều tươi hoặc khô, còn vỏ	459		488	12,4	94,1	0,0
09109105	Cà ri	405	994,6	4.507	22,6	9,0	1,0
09022000	Trà xanh đóng gói ngay > 3 kg	304	-42,3	11.466	38,8	2,7	6,4
09061100	Quế (trừ nghiền và xay)	212	-53,7	2.729	-10,3	7,8	15,1
08106000	Sầu riêng tươi	207	38,9	1.574	110,7	13,2	19,9
08045000	Ổi, xoài và măng cụt tươi hoặc khô	205	173,3	208.153	28,7	0,1	0,0
09021000	Trà xanh đóng gói sẵn <= 3 kg	202	74,1	13.855	32,0	1,5	1,1
08132000	Mận khô	194	-6,7	21.818	30,8	0,9	1,2
09109991	Gia vị, không nghiền hoặc xay khác	192	166,7	9.634	13,9	2,0	0,9
09012100	Cà phê rang (trừ không chứa caffein)	190	-8,2	409.773	-1,1	0,0	0,0
08011100	Dừa nạo sấy	178	83,5	19.149	14,0	0,9	0,6
07141000	Rễ và củ sản tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc sấy khô, có thái	174	521,4	5.518	24,8	3,2	0,6

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Anh		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
		8 tháng năm 2024	So với cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024	So với cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
	lát hoặc dạng viên						
07104000	Ngô ngọt, chưa nấu chín hoặc hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh	172	-40,3	49.717	4,6	0,3	0,6
07144000	Khoai môn, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, thái lát hoặc dạng viên	161	-41,2	2.427	0,0	6,6	11,3

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC*

Nhìn chung, Anh là thị trường còn nhiều dư địa để Việt Nam tăng xuất khẩu nông sản, thực phẩm. Quốc gia này hiện nhập khẩu khoảng 40% nhu cầu lương thực-thực phẩm, trong đó có gần 12,5 tỷ Bảng rau quả; hơn 6 tỷ Bảng ngũ cốc; hơn 4,8 tỷ Bảng cà phê, trà, ca cao; gần 3,7 tỷ Bảng hải sản. Thị trường Anh với gần 68 triệu dân, thu nhập bình quân cao, nhu cầu đa dạng với cộng đồng người gốc Á hơn 5,5 triệu người là tiềm năng các nhà xuất khẩu Việt Nam có thể khai thác. Bên cạnh đó, việc Anh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng tạo hiệu ứng tích cực khi người tiêu dùng và các nhà phân phối quốc gia này quan tâm hơn tới sản phẩm của các nước thành viên CPTPP, trong đó có Việt Nam.

Tuy nhiên, để duy trì tăng trưởng xuất khẩu nông sản sang Anh, ngoài yếu tố chất lượng và giá cả, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cần nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường, theo đó, xu hướng tiêu dùng sản phẩm hữu cơ, thân thiện môi trường gắn với phát triển bền vững ngày càng tăng tại quốc gia châu Âu. Các doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần liên tục cập nhật các quy định, chính sách liên quan. Trong thời gian gần đây, Anh liên tục có những thông báo lên WTO về việc dự kiến áp dụng mức dư lượng tối đa với một số hoạt chất. Cụ thể như sau:

\* Ngày 19/9/2024, Vương quốc Anh đã gửi thông báo số G/SPS/N/GBR/69 tới WTO về việc Cơ quan An toàn Y tế của nước này nhận được đơn kiến nghị thiết lập MRL mới đối với hoạt chất fludioxonil cho xoài, đu đủ và các loại hạt cây. Cụ thể như sau:

Mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất fludioxonil được điều chỉnh tăng từ 3,5 đến 600 lần tùy từng nhóm sản phẩm sau:

- Nhóm các loại hạt (hạnh nhân, hạt điều, hạt dẻ, hạt dẻ cười, hạt macca, hạt óc chó, ...): điều chỉnh tăng MRL từ 0,01 mg/kg lên 0,3 mg/kg;
- Quả xoài: điều chỉnh tăng MRL từ 2,0 mg/kg lên 7,0 mg/kg;
- Quả đu đủ: điều chỉnh tăng MRL từ 0,01 mg/kg lên 6,0 mg/kg;

### **MRL GB mới cho fludioxonil sửa đổi Sổ đăng ký theo luật định GB MRL<sup>1</sup>**

Ngày thông qua: 30/08/2024

Ngày xuất bản: 30/08/2024

Ngày có hiệu lực : 30/08/2024

<b>GB Code No</b>	<b>Hàng hóa có MRL áp dụng</b>	<b>MRL hiện tại (mg/kg)</b>	<b>MRL mới/tăng (mg/kg)</b>	<b>Chú thích</b>
<b>0100000</b>	<b>TRÁI CÂY, TƯƠI hoặc ĐÔNG LẠNH; HẠT CÂY</b>			
0120010	Hạnh nhân	0,01	0,3	3,5
0120020	Quả hạch Brazil	0,01	0,3	3,5
0120030	Hạt điều	0,01	0,3	3,5
0120040	Hạt dẻ	0,01	0,3	3,5
0120050	Dừa	0,01	0,3	3,5
0120060	Hạt phi/quả dừa	0,01	0,3	3,5
0120070	Mắc ca	0,01	0,3	3,5
0120080	Quả hồ đào	0,01	0,3	3,5
0120090	Hạt thông	0,01	0,3	3,5

<sup>1</sup> [https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24\\_06092\\_00\\_e.pdf](https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_06092_00_e.pdf)

GB Code No	Hàng hóa có MRL áp dụng	MRL hiện tại (mg/kg)	MRL mới/tăng (mg/kg)	Chú thích
0120110	Quả óc chó	0,01	0,3	3,5
0163030	Xoài	2,0	7,0	3,5
0163040	Đu đủ	0,01	6,0	3

\* Vương quốc Anh cũng đã gửi thông báo số G/SPS/N/GBR/68 tới WTO về việc Cơ quan An toàn Y tế của nước này nhận được đơn kiến nghị thiết lập MRL mới đối với Isotianil mới cho trái cây họ cam quýt và chuối.

Mức dư lượng tối đa đối với isotianil theo Đạo luật của Vương quốc Anh cụ thể như dưới bảng sau:

GB Code No	Hàng hóa có MRL áp dụng	MRL hiện tại (mg/kg)	MRL mới/tăng (mg/kg)	Chú thích
<b>0100000</b>	<b>TRÁI CÂY, TƯƠI hoặc ĐÔNG LẠNH; HẠT CÂY</b>			
0110010	Bưởi chùm	0,01	0,4	
0110020	Cam	0,01	0,4	
0110030	Chanh vàng	0,01	0,4	
0110040	Chanh xanh	0,01	0,4	
0110050	Quýt	0,01	0,4	
0110090	Loại khác	0,01	0,4	
0163020	Chuối	0,01	0,02	

Trên một số sản phẩm và nhóm sản phẩm khác vẫn được giữ nguyên mức 0,01 mg/kg.

\* Cơ quan An toàn Y tế của Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập **Mức dư lượng tối đa đối với flonicamid** mới cho đậu không có vỏ.

Theo đó, mức dư lượng tối đa đối với flonicamid trên một số nhóm như sau:

- Đậu (không vỏ): được điều chỉnh tăng từ 0,03\* mg/kg lên 0,7 mg/kg
- Các nhóm hàng hóa khác được giữ nguyên:
- + Nhóm quả có múi: 0,15 mg/kg

- + Nhóm các loại hạt (hạnh nhân, óc chó, đậu phộng, ...): 0,06 mg/kg
- + Nhóm các loại quả thuộc họ táo: 0,3 mg/kg
- + Nhóm quả có vỏ: 0,03 mg/kg
- + Mật ong: 0,05 mg/kg

**Trần Thị Huyền (VITIC) thực hiện**